TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:21/2026/QĐST-DS
Ngày: 10-3-2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6-VĨNH LONG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Thanh Sáng
Bà Phạm Thị Thu Vân

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 179/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2025;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

**Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1969

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long ;

**Bị đơn*:

1. Ông Bùi Văn B, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long;

2. Ông Bùi Văn S, sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long;

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Bùi Văn B có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền nợ hụi là 40.000.000(Bốn mươi triệu) đồng. Ghi nhận bà Nguyễn Ngọc T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

2.2. Về phương thức trả nợ bà Nguyễn Ngọc T và ông Bùi Văn B thỏa thuận cụ thể như sau:

Năm thứ nhất: Ông Bùi Văn B trả cho bà Nguyễn Ngọc T mỗi tháng 500.000(Năm trăm ngàn) đồng.

Năm thứ hai: Ông Bùi Văn B trả cho bà Nguyễn Ngọc T mỗi tháng 500.000(Năm trăm ngàn) đồng.

Năm thứ ba: Ông Bùi Văn B trả cho bà Nguyễn Ngọc T mỗi tháng 1.000.000(Một triệu) đồng.

Năm thứ tư: Ông Bùi Văn B trả cho bà Nguyễn Ngọc T mỗi tháng 2.000.000(Hai triệu) đồng cho đến khi ông B trả xong nợ cho bà T.

2.3. Về thời hạn trả nợ bắt đầu kể từ ngày 01/4/2026 cho đến khi ông Bùi Văn B trả tất nợ cho bà Nguyễn Ngọc T.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.4. Về chi phí thu thập chứng cứ tổng cộng là 2.550.000(Hai triệu năm trăm năm mươi ngàn) đồng, bà T và ông B thỏa thuận mỗi bên chịu ½ là 1.275.000(Một triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng. Do bà T đã tạm ứng chi phí thu thập chứng cứ nên ông B có trách nhiệm hoàn lại cho bà T 1.275.000 (Một triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng. Tòa án nhân dân khu vực 6-Vĩnh Long có trách nhiệm hoàn lại cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền tạm ứng thu thập chứng cứ còn lại là 2.450.000(Hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng.

2.5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.000.000(Hai triệu) đồng, bị đơn ông Bùi Văn B có trách nhiệm nộp. Thi hành án dân sự tỉnh V có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 1.700.000(Một triệu bảy trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0008438 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 6-Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đoan Trang

.